

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/HS-ST
Ngày 26-06-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự.

Ông Hoàng Quang Chuẩn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Linh Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Nhà văn hóa phố C1, xã H, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 508/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Minh Đ.** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 23/12/1972, tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Nơi thường trú: Tổ G, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi tạm trú: Xóm Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12;

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Con ông: Hoàng Minh K (đã chết); Con bà: Hà Thị N (Sinh năm 1944);
Vợ: Nông Thanh T (sinh năm 1977); Con: Có 01 con sinh năm 2011;

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/8/1995 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án số 49 ngày

28/8/1995.

Ngày 16/01/1998 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án số 33 ngày 16/01/1998.

Ngày 28/6/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án số 69 ngày 28/6/2000.

Ngày 18/11/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 151 HS/ST ngày 18/11/2004.

Ngày 01/7/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 66/2005/HSST ngày 01/7/2005.

Ngày 23/7/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 06 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 58/2013/HSST ngày 23/7/2013. Ngày 26/01/2019 chấp hành xong án phạt tù, đã được xóa án tích.

Ngày 19/11/2021 bị Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính hình phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt từ ngày 15/12/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thị V.** Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 15/6/1966, tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Trần Thanh N1 (sinh năm 1940); Con bà: Đinh Thị T1 (đã chết); Chồng: Nguyễn Hữu S (sinh năm 1960); Con: 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1997;

Tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 22/6/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 20 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy tại Bản án số 61/2006/HS-ST ngày 22/6/2006.

Ngày 16/01/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù

về tội Vận chuyển trái phép vật liệu nổ tại Bản án số 09/2007/HSST ngày 16/01/2007.

Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 23 năm 6 tháng tù. Ngày 06/10/2021, chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt từ ngày 18/12/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Minh Đ:* Bà Nông Thị H – Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh C. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị V:* Bà Phùng Thị Huyền T2 – Luật sư thuộc Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh C. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 15 phút ngày 15/12/2024, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh C làm nhiệm vụ tại đường V thuộc tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 11A-102.53 có biểu hiện nghi vấn, nên đã tiến hành kiểm tra và phát hiện dưới gầm ghế vị trí ngồi của Hoàng Minh Đ có 01 (một) túi nilon màu trắng, Đ khai nhận là ma túy vừa mua với Trần Thị V, với số tiền 58.000.000 đồng, mục đích để bán và sử dụng cho bản thân. Vật chứng thu giữ: 01 túi nilon màu trắng (dạng túi zip) bên trong có chứa các cục chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động và 01 cân điện tử. Ngày 16/12/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở và triệu tập Trần Thị V để đấu tranh làm rõ, V đã khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Hoàng Minh Đ.

Ngày 16/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng, trích mẫu gửi giám định, kết quả: Khối chất bột màu trắng thu giữ có tổng khối lượng là 61,78g (sáu một phẩy bảy tám gam). Tại kết luận giám định số 63/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của phòng K1 Công an tỉnh C kết luận: “Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine”.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Do có quen biết từ trước nên đầu tháng 12/2024, Đ gọi điện cho V để đặt mua 02 (hai) "cây" Heroine. V đồng ý rồi thông báo giá mỗi "cây" Heroine là 29.000.000 đồng và gửi số tài khoản ngân hàng của mình để yêu cầu Đ chuyển tiền trước. Ngày 06/12/2024, Đ ra ngân hàng chuyển 20.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng A

8503205201993 mang tên Trần Thị V và hẹn một tuần nữa sẽ đến lấy Heroine. Sau khi nhận được tiền V đi rút tiền rồi ra bến xe khách thành phố T để đặt mua 02 (hai) "cây" Heroine với một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ), người này nói giá là 57.000.000 đồng và phải đặt cọc trước, nên V đã đưa cho người này 20.000.000 đồng, hai bên thống nhất khi nào đến lấy ma túy thì sẽ trả nốt số tiền còn lại. Khoảng 11 giờ ngày 15/12/2024, Đ bắt xe khách từ thành phố C đến tỉnh Thái Nguyên, gần đến nơi Đ gọi điện thoại cho V thì được hẹn gặp tại khu vực gần cây xăng S1 thuộc xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó V một mình đi xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) đến bến xe thành phố T để gặp người đàn ông đã đặt mua ma túy, người này nói V đi trước người này sẽ đi theo sau, V quay lại cây xăng S1, tại đây Đ đưa cho V 38.000.000 đồng, V rút lấy số tiền 1.000.000 đồng và cầm tiền về phía người đàn ông đặt mua ma túy đứng cách đó khoảng 500 mét để đưa 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng) và nhận lại từ người này 01 (một) túi nilon màu đen bên trong có chứa ma túy. Khi nhận được ma túy V lái xe mô tô chở Đ đến nhà nghỉ M (thuộc xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), trên đường đi V đưa Heroine cho Đ, đến nơi Đ vào thuê phòng còn V đi về nhà. Vào đến phòng nghỉ Đ mở túi nilon màu đen ra thì thấy bên trong có 01 (một) túi nilon trong suốt (dạng túi zip) đựng 02 (hai) túi nilon màu trắng nhỏ hơn, bên trong túi này có chứa các cục bột màu trắng. Đ sử dụng cân điện tử mang theo để cân rồi trích một lượng ma túy ra cho vào ống xilanh và nước cất đã chuẩn bị trước rồi sử dụng bằng cách "chích" vào cơ thể. Sau đó Đ chia số ma túy trên thành 04 (bốn) túi rồi đựng vào một túi zip to hơn, còn túi nilon màu đen ban đầu Đ cho vào bồn cầu vệ sinh xả nước trôi đi. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày Đ cầm theo ma túy lên xe ô tô 11A-10253 để về Cao Bằng. Đến 22 giờ 00 phút cùng ngày đến tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì bị tổ công tác yêu cầu kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ số ma túy trên.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Minh Đ và Trần Thị V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Cáo trạng số: 28/CT-VKSCB-P1 truy tố Hoàng Minh Đ và Trần Thị V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của

các bị cáo và khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Minh Đ từ 17 năm đến 17 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị V 18 năm đến 18 năm 6 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội là điện thoại cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước; Vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho chủ sở hữu; Vật chứng là Ma túy và các vật chứng khác không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; tịch thu số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đ của Trần Thị V.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa Nông Thị H trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Hoàng Minh Đ như sau: Nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, về áp dụng tình tiết giảm nhẹ và về các vấn đề khác. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã rất thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã khai ra người có cùng hành vi phạm tội, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Bị cáo có bố đẻ là Hoàng Minh K và mẹ đẻ là Hà Thị N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp có thể.

Người bào chữa Phùng Thị Huyền T2 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Thị V như sau: Nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, về áp dụng tình tiết giảm nhẹ và về các vấn đề khác. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã rất thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra bị cáo V đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; L khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 22 giờ 40 phút ngày 15/12/2024; Các biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, thu giữ dấu vết đường vân và niêm phong lại vật chứng; Kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh C; Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung; Biên bản ghi lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Hồi 22 giờ 15 phút ngày 15/12/2024 tại tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh C bắt quả tang Hoàng Minh Đ có hành vi mua bán trái phép 61,78g (sáu một phẩy bảy tám gam) Heroine. Số ma túy này cơ quan điều tra xác định được vào ngày 15/12/2024, Trần Thị V là người đã bán số Heroine này cho Hoàng Minh Đ để hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 16/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng, trích mẫu gửi giám định, kết quả: Khối chất bột màu trắng thu giữ có tổng khối lượng là **61,78g** (sáu một phẩy bảy tám gam). Tại kết luận giám định số 63/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của phòng K1 Công an tỉnh C kết luận: “Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, **loại Heroine**”.

Hành vi mua bán ma túy của bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) ...

b) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo Đ đã mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân và để bán lại kiếm lời; Bị cáo V mua ma túy để bán lại cho bị cáo Đ. Hành vi đó của các bị cáo đã đi ngược lại chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy đang ngày càng diễn

biến phức tạp, làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ sức răn đe, đồng thời làm gương cho người khác, phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, tiền sự. Trong vụ án này các bị cáo đều có vai trò ngang nhau, bị cáo Trần Thị V là người bán ma túy, bị cáo Hoàng Minh Đ là người mua ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Minh Đ, Trần Thị V đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó cả 2 bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Minh Đ có bố đẻ là Hoàng Minh K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hạng nhì, mẹ đẻ là Hà Thị N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng ba vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Thị V phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V.

[5] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần xử lý như sau:

Vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội là điện thoại cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước; Vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho chủ sở hữu; Vật chứng là Ma túy và vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 1.000.000đ là tiền thu lợi bất chính của Trần Thị V cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy mà V đã bán cho Đ: Do

không có thông tin cụ thể về tên, tuổi địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để mở rộng điều tra xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét mức đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Minh Đ mức hình phạt từ 17 năm đến 17 năm 6 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Thị V mức hình phạt từ 18 năm đến 18 năm 6 tháng tù và xử lý các vấn đề khác trong vụ án là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Minh Đ 17 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2024.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị V 18 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/12/2024.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: Tiền ngân hàng N2 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn) do Trần Thị V tự nguyện giao nộp. Số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại Phòng giao dịch số 8 thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực VI – Cao Bằng theo Giấy nộp tiền ngày 15/4/2025.

- Xử tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “Vật chứng vụ: Hoàng Minh Đ, bắt ngày 15/12/2024 tại tuyến đường V, đoạn qua khu vực tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ

quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “Số 63/KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Hoàng Minh Đ, bắt ngày 15/12/2024”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 (một) túi niêm phong, “Mã số PS2A053888”, tên vụ: Hoàng Minh Đ – Mua bán trái phép chất ma túy.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Cân điện tử màu đen, tạm giữ của Hoàng Minh Đ, ngày 15/12/2024”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị V: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "Điện thoại di động OPPO tạm giữ của Trần Thị V". Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

- Xử tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "Điện thoại di động Masstel tạm giữ của Trần Thị V". Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "Điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Minh Đ". Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 83 ngày 15 tháng 4 năm 2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Hoàng Minh Đ và Trần Thị V có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng TT, KT&THA;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân Khánh